CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

FireAnt

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tốt chính.

Thông tin giao dịch	29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)	66,800
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	63,000 - 69,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,678
Số lượng CPLH (CP)	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	62,130
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.12
EPS	242
P/E	275.5

	YTD	1T	3T	6T
SCG	-0.3%	6.0%	2.6%	2.8%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%

Cơ cấu cổ đông

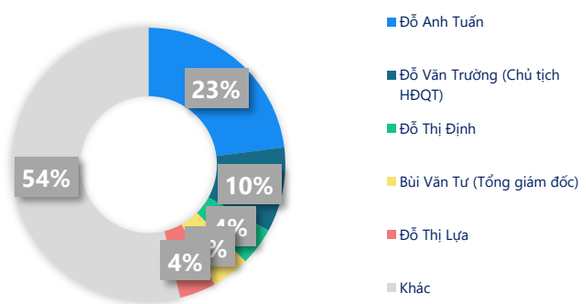

Phân tích Dupont

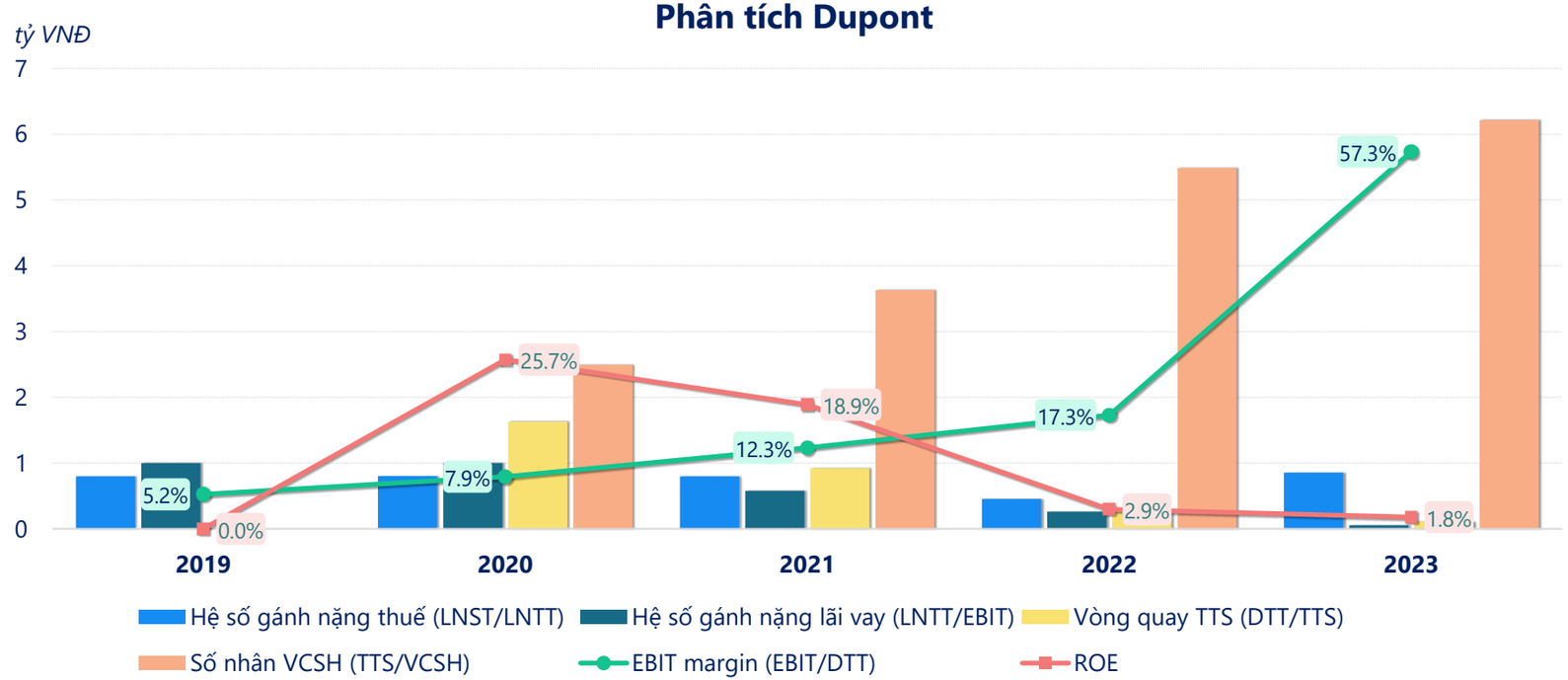

DT thuần

2023

794

tỷ VNĐ

YoY: ▼948| -54.4%

LN sau thuế

2023

21.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.6| -40.9%

ROE

2023

1.8%

+/- YoY: ▼ 1.2%

ROA

2023

0.3%

+/- YoY: ▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh

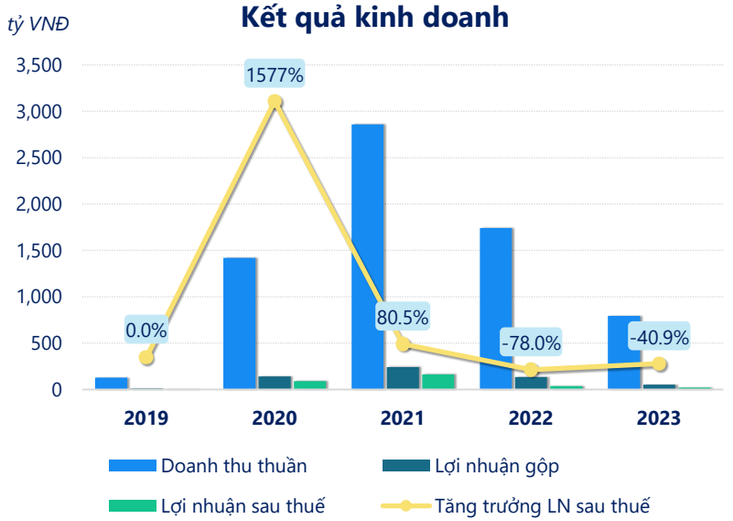

Kết quả kinh doanh SCG năm 2023, doanh thu thuần giảm mạnh 54.4% chỉ còn 793.6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm mạnh 40.9% chỉ còn 21.11 tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với ROE ở mức 1.77%. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) tăng lên đạt 57.3% cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng 0.86 tăng so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là 0.05 thấp hơn so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

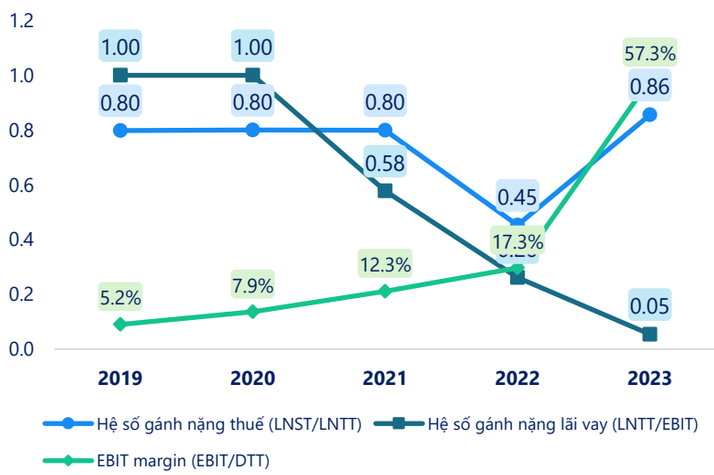

Vòng quay tài sản và ROE

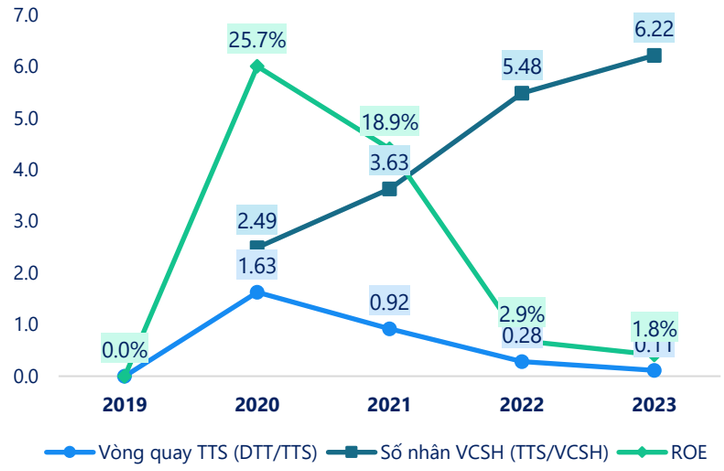

Vòng quay tổng tài sản đạt 0.11, giảm so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu tăng lên đến 6.22 cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

Phải thu ngắn hạn

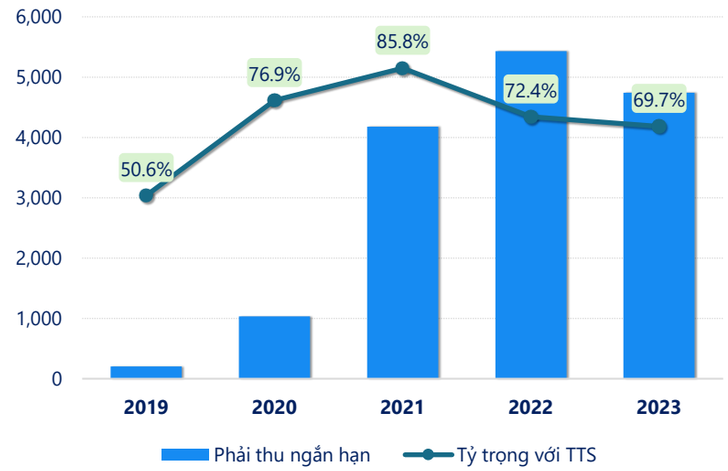

Hàng tồn kho



Chỉ số thanh khoản

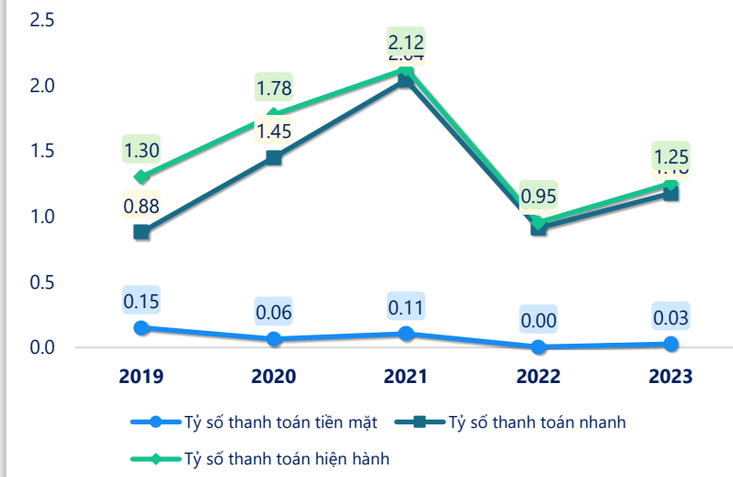

Nợ vay

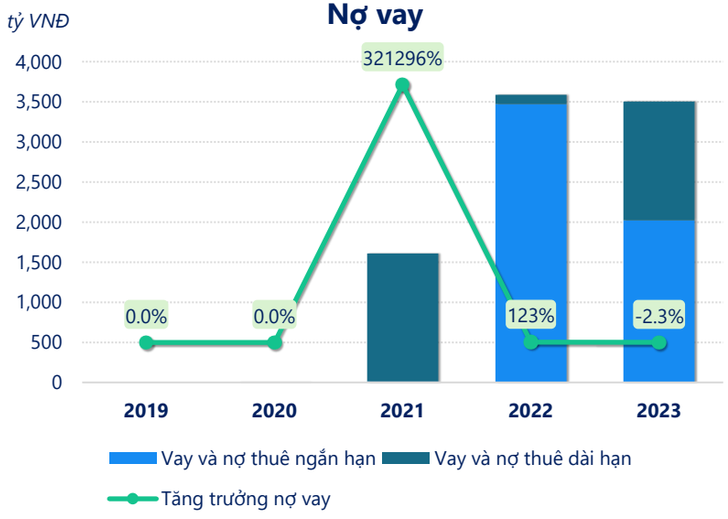

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

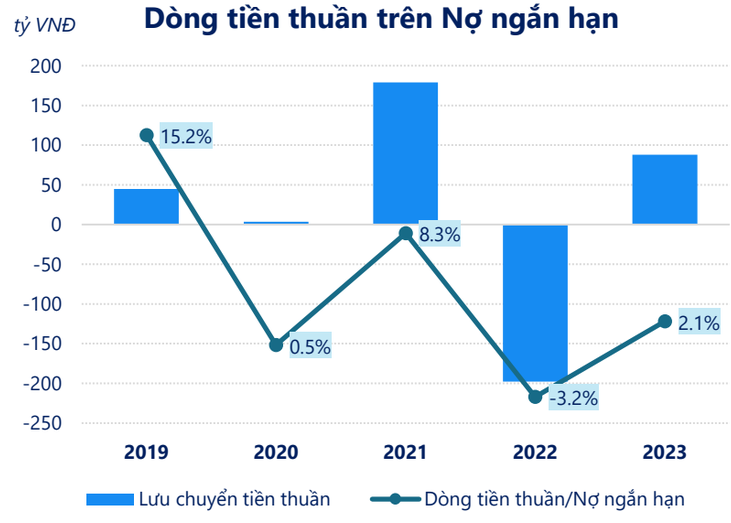

Vốn chủ sở hữu

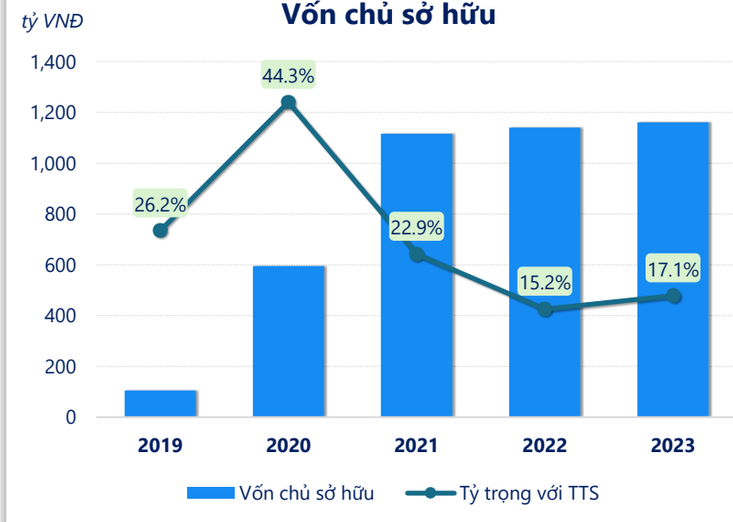

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

FireAnt

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,786**	**7,505**	**-9.6%**
Tài sản ngắn hạn	5,192	5,966	-13.0%
Tiền và tương đương tiền	117	29.5	298%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	230	-100%
Phải thu ngắn hạn	4,757	5,430	-12.4%
Hàng tồn kho	291	273	6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	26.7	3.21	731%
Tài sản dài hạn	**1,594**	**1,540**	**3.6%**
Phải thu dài hạn	1,568	1,500	4.5%
Tài sản cố định	7.74	10.0	-22.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**18.0**	**28.7**	**-37.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,625	6,365	-11.6%
Nợ ngắn hạn	**4,144**	**6,248**	**-33.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,022	3,468	-41.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	665	883	-24.7%
Nợ dài hạn	1,482	118	1160%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,482	118	1160%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,161**	**1,140**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,161**	**1,140**	**1.8%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**128**	**1,420**	**2,857**	**1,742**	**794**
Giá vốn hàng bán	116	1,279	2,615	1,609	741
Lợi nhuận gộp	**12.2**	**142**	**243**	**133**	**53.0**
Doanh thu HĐTC	0.79	0.28	169	268	477
Chi phí TC	0	0	152	225	435
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**149**	**222**	**430**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0.06	0.53	0.23
Chi phí QLDN	6.16	29.5	54.8	88.7	66.6
LN thuần từ HĐKD	**6.78**	**113**	**204**	**86.8**	**28.7**
Lợi nhuận khác	-0.05	0.17	-0.73	-7.86	-4.03
LN trước thuế	**6.73**	**113**	**204**	**79.0**	**24.7**
Lợi nhuận sau thuế	**5.38**	**90.2**	**163**	**35.7**	**21.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.38**	**90.2**	**162**	**33.3**	**20.4**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-51.6	-386	-1,378	-1,686	-531
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.52	-11.6	-404	-488	702
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	100	401	1,961	1,977	-82.8
Tiền đầu kỳ	0	44.9	48.4	227	29.5
Lưu chuyển tiền thuần	**44.9**	**3.47**	**179**	**-198**	**87.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	44.9	48.4	227	29.5	117